

Phụ lục 76
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ VĨNH THẠNH TRUNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	Đường tỉnh 945 mới		
	- Quốc lộ 91 vào 50m	5.610	
	- Quốc lộ 91 vào 50m - Kênh 7	3.927	
2	Tiếp giáp Quốc lộ 91		
	- Cầu chữ S - Đường vào khu TĐC cầu chữ S	5.610	
	- Đường vào khu TĐC cầu chữ S - Cống Mương Khai lấp	4.208	
	- Cống Mương Khai lấp - Đường vào UBND xã	5.049	
	- Đường vào UBND xã - Ranh dưới cây xăng Phát Lợi	5.610	
	- Ranh dưới cây xăng Phát Lợi - Cầu Vĩnh Tre	7.013	
	- Cầu Vĩnh Tre - Trạm Y Tế Mỹ Phú	2.341	
	- Trạm Y Tế Mỹ Phú - Cầu Cần Thảo	2.926	
3	Tiếp giáp Đường tỉnh 945: Từ Quốc lộ 91 - Ngã 3 Mũi Tàu	4.208	
4	Chợ Châu Phú: Nền loại 1 (Đối diện nhà lồng chợ)	5.610	
5	Tuyến đường số 7 nối dài: Từ đường số 3 - Đường tỉnh 945 (cũ)	4.208	
6	Khu trung tâm thương mại Vĩnh Tre (Nền loại 1) - Đường 3, 4 (suốt tuyến)	10.203	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
7	Chợ Ba Tiệm	1.232	
8	KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (nối dài) + KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn		
	- Đường số 1, 2: Tờ BĐ 53(62, 63); Tờ BĐ 53 (164, 165)	400	
	- Đường số 2 (Đường số 5 - Giáp KDC Đông Kênh 3- Bắc Kênh Tri Tôn (Mở rộng))	462	
	- Nền chính sách (thuộc KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (nối dài) + KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn	154	
9	KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (Mở rộng)		
	- Nền loại 1: Đường số 2 (Suốt tuyến) Đường số 4 (Đường số 2 - Đường số 1) Đường số 5 (Đường số 2 - Hết đường số 1)	1.386	
	- Nền loại 2: Đường số 3: Tờ BĐ 56 (155,156,131) Đường số 5 (Các nền còn lại)	832	
	- Nền chính sách (KDC Đông kênh 3 - Bắc kênh Tri Tôn (Mở rộng))	154	
10	Khu trung tâm thương mại Vịnh Tre (Nền loại 2)		
	- Đường số 7 (Đường số 3 - Đường số 4) đối diện nhà lồng chợ	7.013	
	- Đường số 9 (Đường số 4 - Đường số 5)	6.171	
	- Đường số 10 (Đường số 4 - Đường số 5)	6.171	
	- Đường số 11 (Đường số 4 -Biên KDC hướng Long xuyên)	6.171	
	- Đường số 6 (Đường số 9 - Đường số 7)	6.171	
	- Đường số 9 (Đường số 5 - Đường số 6) Các thửa đầu lưng với lô nền loại 1 giáp đường số 3	5.610	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
	- Đường số 8 (Đường số 5 - Đường số 4)	4.769	
	- Đường số 6 (Đường số 9 - Quốc lộ 91)	4.443	
	- Đường số 7 (Đường số 4 - Đường số 5)	4.208	
	- Đường số 8 (Đường số 5 - Đường số 6)	4.208	
	- Đường số 5 (Đường số 8 - Đường số 7)	4.208	
	- Đường số 10 (Đường số 5 - Đường số 6)	4.208	
	- Đường số 11 (Đường số 5 - Đường số 6)	4.208	
	- Đường số 10 B (Đường số 5 - Đường số 6)	4.769	
	- Đường số 11 B (Đường số 15 - Đường số 6)	4.769	
	- Đường số 14 (Suốt đường)	4.769	
	- Đường số 15 (Đường số 10B - Đường số 11B)	4.769	
11	Chợ Kênh 7 (Nền loại 1)		
	- Đường số 2 (Hết đường số 4 - Hết đường số 9)	5.610	
	- Đường số 4 (Suốt tuyến)	5.610	
	- Đường số 5 (Hết đường số 4 - Hết đường số 9)	5.610	
	- Đường số 9 (Suốt tuyến)	5.610	
12	Tiếp giáp mặt tiền đường giao thông nông thôn, đường liên xã		
	- Đường Nam Cần Thảo (Quốc lộ 91 - Hào Đề Lớn)	878	
	- Đường Bắc Vĩnh Tre (Quốc lộ 91 - Hào Đề Lớn)	732	
	- Đường Vòng Mỹ Phú (Suốt tuyến)	995	
	- Đường Đông kênh 3 (Đường Bắc Vĩnh Tre - Đường Nam Cần Thảo)	439	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
13	Đường dẫn và Khu dân cư chợ Vĩnh Tre (cũ): Từ đường Nam Vĩnh Tre (Đường tỉnh lộ 945 cũ) - hết Khu dân cư	4.323	
14	Chợ Châu Phú		
	- Nền loại 2 (Các nền đầu lung với lô nền loại 1)	3.458	
	- Nền còn lại	2.306	
	- Nền tại khu tái định cư cầu chữ S	1.729	
15	Chợ Kênh 7		
	- Nền loại 2 gồm các thửa còn lại của đường số 1, 2, 3, 5, 7, 8	3.458	
	- Nền tái định cư tại đường số 3 (gồm các thửa 63-64; 78-85; 111-120; 174-120 thuộc Tờ BĐ 39)	576	
16	Cụm dân cư ấp Vĩnh Bình		
	- Nền linh hoạt tại đường số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 (Trừ các nền chính sách)	1.821	
	- Nền chính sách: + Tờ BĐ 39 gồm các thửa 491-492, 539-555, 558-568, 571-577, 584-589, 593, 596-598, 622-636, 641-653, 656-670, 675-689, 694-705, 708-716 + Tờ BĐ 42 gồm các thửa 19-22, 25-27, 30-35, 38-47, 52-61 + Tờ BĐ 101 gồm các thửa 842, 843, 846, 847, 850, 862, 865-871, 883, 884, 889-894, 897-902, 907-912, 917-921	660	
	- Tuyến dân cư Bắc rạch cây Gáo và Tuyến dân cư Bắc rạch cây Gáo (nối dài)	340	
17	Tiếp giáp Đường tỉnh 945		
	- Ngã 3 Mũi Tàu - Đầu cầu Vĩnh Tre	1.153	
	- Ngã 3 Mũi Tàu - Đường số 1 chợ Kênh 7	1.441	
	- Đường số 1 chợ kênh 7 - Cầu kênh 7	2.017	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
18	Đường trường TC Kinh tế - Kỹ thuật: Từ Quốc lộ 91 - Rạch M. Khai lấp	1.153	
19	Đường Mương Khai lấp: Quốc lộ 91 - Cầu sắt ngã 4	865	
20	Đường về Trung tâm xã Vĩnh Thạnh Trung		
	- Quốc lộ 91 - Ngã 4 kênh 7	1.297	
	- Ngã 4 kênh 7 - Biên KDC chợ kênh 7	1.297	
	- Ngã 4 nghĩa địa - Cầu Rạch Cây Gáo	1.297	
21	Đường bê tông chùa Đáo Cử: Từ Quốc lộ 91 - Đường về Trung tâm xã mới	1.297	
22	Đường Đông kênh 7: Từ Nam Vĩnh Tre (Tỉnh lộ 945 cũ) - đường Bắc Kinh 10 Châu Phú	721	Bổ sung
23	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	510	Bổ sung
24	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	408	Bổ sung
25	Các tuyến đường còn lại	340	

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
I	Khu vực: Ấp Vĩnh Thuận, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Bình, Vĩnh Quới, Bình An, Thạnh Lợi, Vĩnh Quí, Vĩnh Hòa, Vĩnh Lợi, Vĩnh Phú, Thạnh An				
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản				
	Tiếp giáp Quốc lộ 91				
	- Tiếp giáp Quốc lộ 91 và sông Hậu	121	111		
	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)				
	- Tiếp giáp kênh Vĩnh Tre, rạch Muong Khai Lấp, rạch Thạnh Mỹ	101	91		
	- Tiếp giáp đường Tỉnh 945 mới	121	111		
	- Tiếp giáp các kênh còn lại	91	81		
2	Đất trồng cây lâu năm				
	Tiếp giáp Quốc lộ 91				
	- Tiếp giáp Quốc lộ 91 và sông Hậu	228	182		
	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)				
	- Tiếp giáp kênh Vĩnh Tre, rạch Muong Khai Lấp, rạch Thạnh Mỹ	160	137		
	- Tiếp giáp Đường tỉnh 945 mới	228	182		
	- Tiếp giáp các kênh còn lại	125	114		

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
II	Khu vực: Ấp Mỹ Lợi, Mỹ Hưng, Mỹ Quí, Mỹ An, Mỹ Phước, Mỹ Trung, Mỹ Thuận				
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản				
	Tiếp giáp Quốc lộ 91				
	- Tiếp giáp Quốc lộ 91 – Bờ Đông (Cánh đồng nhỏ)	89	82		
	- Tiếp giáp Quốc lộ 91 – Vịnh Tre – Cần Thảo (Bờ tây)	82	75		
	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)				
	- Tiếp giáp kênh 3, kênh Hào Đê, kênh Vịnh Tre, kênh Cần Thảo	82	75		
	- Tiếp giáp các kênh còn lại	67	60		
2	Đất trồng cây lâu năm				
	Tiếp giáp Quốc lộ 91				
	- Tiếp giáp Quốc lộ 91 – Bờ Đông (Cánh đồng nhỏ)	156	138		
	- Tiếp giáp Quốc lộ 91 – Vịnh Tre – Cần Thảo (Bờ tây)	138	121		
	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)				
	- Tiếp giáp kênh 3, kênh Hào Đê, kênh Vịnh Tre, kênh Cần Thảo	112	104		
	- Tiếp giáp các kênh còn lại	95	87		